

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

N....., ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57; 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 144; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 36 và Điều 37 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1982;

- Chị Phan Thị H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25-12-2024, những người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề như sau:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D có 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Phan Trà M, sinh ngày 28/10/2012; Cháu Nguyễn Phan Trà G, sinh ngày 18/01/2019; Sau khi ly hôn, anh D và chị H thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi các con trưởng thành và tự lập được. Anh Nguyễn Hữu D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng: từ tháng 01/2025, vào ngày 10 hàng tháng.

Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu anh D không trả đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả lãi đối với tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên đương sự là 10%/năm.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị H nhận nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh D chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định.

- *Về con chung:* Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Hữu D có 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Phan Trà M, sinh ngày 28/10/2012; Cháu Nguyễn Phan Trà G, sinh ngày 18/01/2019; Sau khi ly hôn, anh D và chị H thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi các con trưởng thành và tự lập được. Anh Nguyễn Hữu D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng: từ tháng 01/2025, vào ngày 10 hàng tháng.

Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu anh D không trả đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả lãi đối với tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên đương sự là 10%/năm.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002141 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K. Chị Phan Thị H đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh K;
- UBND thị trấn P, huyện N, tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Khen